

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 22

Phần B.I - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Ngày thi: 22/5/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Thị Anh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	41	Ngô Thị Ngọc Linh	7,00	Bảy
2	Nông Thị Ao	7,50	Bảy phẩy năm	42	Hoàng Thị Mai	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nông Thị Bạch	7,50	Bảy phẩy năm	43	Nguyễn Phương Mai	8,00	Tám
4	Lục Thị Châm	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Nông Thị Niệm	8,00	Tám
5	Lê Kiên Chung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	45	Dương Thị Ngân	8,00	Tám
6	Hoàng Thị Chuyên		<b>Thôi học</b>	46	Phạm Thị Nhân	7,50	Bảy phẩy năm
7	Phan Đoàn Dân	7,00	Bảy	47	Triệu Thị Nháy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Hà Thị Phương Dung	8,00	Tám	48	Phùng Tồn Nhất	7,00	Bảy
9	Vi Thị Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	49	Chu Thị Nhậ	7,50	Bảy phẩy năm
10	Bế Thị Dung	7,50	Bảy phẩy năm	50	Hoàng Thị Nhiệm	7,00	Bảy
11	Luân Tuấn Đạt	7,75	Bảy phẩy bảy năm	51	Nông Thị Hồng Nhung	8,00	Tám
12	Nông Tiến Đạt	8,00	Tám	52	Phạm Thị Lưu Như	7,00	Bảy
13	Trần Văn Đạt	7,00	Bảy	53	Thắm Thị Phúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Lưu Chí Đức	7,50	Bảy phẩy năm	54	Hoàng Thúy Quỳnh	7,25	Bảy phẩy hai năm
15	Tô Thị Giang	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Hứa Mạnh Toàn	7,25	Bảy phẩy hai năm
16	Đào Thị Hạnh	8,00	Tám	56	Đỗ Thị Thanh Tú	7,25	Bảy phẩy hai năm
17	Chu Thị Hào	7,75	Bảy phẩy bảy năm	57	Phùng Ngọc Tú	7,50	Bảy phẩy năm
18	Hoàng Thị Tú Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	58	Mông Tô Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
19	Hoàng Thị Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	59	Nông Văn Tư	7,50	Bảy phẩy năm
20	Nông Trung Hiếu	8,00	Tám	60	Lâm Đức Thành	8,00	Tám
21	Hà Thị Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	61	Lôi Thị Thao	8,00	Tám
22	Đàm Thị Phương Hoà	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Lý Thị Thảo	8,00	Tám

23	Mã Xuân Hợp	7,00	Bảy	63	Lâm Thu Thiều	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Lý Thị Hợp	7,50	Bảy phẩy năm	64	Chu Thị Thom	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Trịnh Minh Huệ	8,00	Tám	65	Phạm Bằng Thuận	7,50	Bảy phẩy năm
26	Nông Lý Huệ	8,00	Tám	66	Hà Thị Thu	7,00	Bảy
27	Hoàng Mạnh Hùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	67	Lương Thị Thanh Thủy		<b>Hoãn thi</b>
28	Hà Văn Huy	7,50	Bảy phẩy năm	68	Hoàng Thu Thủy	8,00	Tám
29	Hoàng Văn Hưng	7,50	Bảy phẩy năm	69	Trần Thị Thu Thúy	8,00	Tám
30	Nông Thị Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Nông Thị Thúy	7,50	Bảy phẩy năm
31	Đàm Thị Thu Hoàng	7,50	Bảy phẩy năm	71	Lê Thị Thương	8,00	Tám
32	Hứa Thị Hoàng	7,50	Bảy phẩy năm	72	Nguyễn Thị Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
33	Ma Nông Hữu	7,00	Bảy	73	Chu Thị Huyền Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
34	Nông Thị Kiều	8,00	Tám	74	Triệu Thị Trâm	8,00	Tám
35	Vương Văn Khuyên	7,00	Bảy	75	Bàn Hữu Trung	7,00	Bảy
36	Lục Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	76	Hoàng Lê Vân	8,00	Tám
37	Nông Hồng Lanh		<b>Hoãn thi</b>	77	Trần Văn Việt	7,00	Bảy
38	Long Thị Lảnh	8,00	Tám	78	Hoàng Văn Vinh	7,00	Bảy
39	Nông Văn Lâm	7,75	Bảy phẩy bảy năm	79	Hoàng Xuân Vũ	7,25	Bảy phẩy hai năm
40	Nguyễn Thị Tú Lệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	80	Hoàng Thị Hải Yến		<b>Thôi học</b>

Điểm 7,00: 13 điểm; Điểm 7,25: 04 điểm; Điểm 7,50: 19 điểm; Điểm 7,75: 19 điểm; Điểm 8,00: 20 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm./.

**GHI ĐIỂM PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**

*Nguyễn Thu Hằng*

*Đoàn Thị Vân Thủy*



**Nguyễn Thu Hằng**

**Đoàn Thị Vân Thủy**

**Trịnh Thị Ánh Hoa**